

Bản án số: 130/2022/DS-PT
Ngày: 14-12-2022
V/v Tranh chấp vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Bùi Thanh Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 14/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2022/TLPT ngày 07/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2022/QĐPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 và ông Trần Quý H, sinh năm 1984, địa chỉ: Khu phố Long Điền 2, phường P1, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1983

Địa chỉ: 46 Nguyễn Tri Phương, khu phố Tân Tiến, phường X, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị Phương D (Hoàng Phương D), sinh năm 1992, địa chỉ: Khu phố 2, phường Phước B, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Phước A, sinh năm 1980, địa chỉ: Khu phố 2, phường Phước B, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Phước A.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quý H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T và ông H cùng thống nhất trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 31/5/2020 bà T có cho bà D vay 200.000.000 đồng, bà D hứa chậm nhất ngày 10/6/2020 trả cho bà T. Ngày 26/5/2021, bà D mượn bà T số tiền 750.000.000 đồng (viết 02 giấy) 01 giấy mượn bà T số tiền 250.000.000 đồng hẹn tới ngày 26/7/2021 trả đủ (giấy mượn có chữ ký của bà D và người làm chứng Phan Nữ T1) và bà D ký giấy vay tiền bà T và ông H số tiền 500.000.000 đồng, bà D cam kết ngày 14/11/2021 trả 200.000.000 đồng và ngày 14/12/2021 trả đủ 300.000.000 đồng còn lại.

Đến hạn của các ngày bà D không trả, bà T đã liên lạc cho cả bà D và ông A (chồng bà D) đòi tiền nhưng vẫn chưa trả. Đến nay, tổng số tiền bà D còn nợ vợ chồng bà T là 950.000.000 đồng.

Nay bà T và ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Hoàng Thị Phương D và ông Trương Phước A liên đới trả cho vợ chồng bà T số tiền 950.000.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn – Bà Hoàng Thị Phương D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà D trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà D có mượn tiền bà Nguyễn Thị T và Trần Quý H như sau:

Ngày 26/5/2021, mượn bà T số tiền 250.000.000 đồng, hẹn tới ngày 26/7/2021 trả.

Ngày 31/5/2021 bà D có vay tiếp bà T số tiền 200.000.000 đồng hứa chậm nhất ngày 10/6/2021 trả. Tuy nhiên, bà D không đọc kỹ giấy mượn nợ dẫn đến việc bà T viết giấy ghi nhầm ngày mượn là 31/5/2020, hẹn trả ngày 10/6/2020. Bà D nhớ ngày bà D vay là trong năm 2021 chứ không phải là 2020.

Sau đó, đến ngày 15 tháng 10 năm 2021, bà D chưa thể trả được 02 khoản nợ trên cho bà T thì ông H gọi cho bà D yêu cầu vợ chồng bà D ra Văn phòng công chứng để ký hợp đồng vay tiền cho rõ ràng. Tuy nhiên, chồng bà D không biết bà D vay tiền, bà D cũng không dám nói lại với chồng nên vài ngày sau đó, ông H yêu cầu bà D lên nhà gặp ông H để thương lượng lại thời gian trả nợ. Ông H nói phải viết lại giấy vay tiền cho rõ ràng, tính cả gốc lẫn lãi. Thời điểm viết giấy thì gộp gốc là 450.000.000 đồng và tiền lãi là 50.000.000 đồng; tổng cộng là 500.000.000 đồng. Ông H viết giấy và bà D ký “*Bên vay*” và “*Người nhận tiền*”.

Nay xem qua giấy cho vay tiền của ông H viết, bà D thấy đề ngày 26/5/2021 là không đúng thực tế, bà D nhớ sau ngày 15/10/2021 nhưng lúc đó do cũng sợ ông H làm dữ và để ông H tin tưởng là bà D có thiện chí trả nợ nên bà ký vào giấy cho vay tiền mà không xem kỹ nội D, không xem kỹ ngày viết giấy cũng như không yêu cầu thu lại 02 giấy nợ gốc viết với bà T. Bà D khẳng định ngày ký giấy nợ với

ông Trần Quý H bà không có nhận tiền vay, ông H chỉ tính toán nợ gốc giữa bà và bà T và tiền lãi đến ngày viết giấy lại rồi ghi tổng cộng nợ là 500.000.000 đồng. Bà có hứa trả 200.000.000 đồng vào ngày 14/11/2021 và trả 300.000.000 đồng vào ngày 14/12/2021.

Bà T và ông H có gọi cho chồng bà D là ông Trương Phước A để báo số nợ và yêu cầu ông A cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ. Bà D cho rằng khoản vay này bà không nói cho chồng biết, chồng bà chỉ biết là bà có vay tiền bên ngoài để lo cho việc làm ăn chứ không quan tâm là vay của ai, vay bao nhiêu. Sau này chủ nợ đòi thì chồng bà mới biết. Do vậy chồng bà không liên quan gì đến số tiền nợ này, bà vay thì bà có trách nhiệm trả cho bà T và ông H.

Bà D đồng ý trả cho ông H và bà T 500.000.000 đồng và xin trả 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng/ năm cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Phước A trong quá trình giải quyết vụ án và tại Tòa trình bày:

Ông A là chồng bà Hoàng Thị Phương D, kết hôn từ năm 2013, cùng chung sống với nhau tại khu phố 2, phường Phước B, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Trong quá trình chung sống, ông A đi làm rẫy phụ cha mẹ ông A để kiếm tiền lo cho gia đình, bà D1 nhà chăm sóc con cái. ông A cũng biết hay vay mượn tiền nhưng ông A chỉ biết là vay ít ít của vài người trong gia đình và cũng có trả đàng hoàng; ông A không hề biết vợ ông A có thể vay mượn số tiền lớn của người ngoài.

Cách đây vài tháng, ông H có liên lạc với ông A nói vợ ông A nợ tiền ông H và bà T. ông A có hỏi D thì D nói do nợ tiền lời người khác nên mới mượn để trả lời, trả lãi cho người ta. Bà D không biết tính toán dẫn đến không có khả năng chi trả, rồi khi vay cũng không cho ông biết. Lúc cho bà D vay tiền, ông H và bà T cũng không báo ông A biết, không gọi ông A lên ký giấy nợ.

Nay ông H và bà T khởi kiện bà D và ông A số tiền 950.000.000 đồng . Thực tế ông A không hề biết việc bà D mượn bà T và ông H là 950.000.000 đồng hay 450.000.000 đồng nên ông A không có ý kiến về phần nợ này. Và ông không đồng ý cùng bà D trả nợ cho bà T và ông H vì ông không liên quan.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quý H đối với bị đơn Bà Hoàng Thị Phương D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Phước A về việc yêu cầu trả số tiền vay.

Buộc Bà Hoàng Thị Phương D và ông Trương Phước A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quý H số tiền là 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13/7/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Phước A có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm theo hướng không đồng liên đới cùng Bà Hoàng Thị Phương D trả cho bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quý H số tiền 950.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự giữ nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình bày không bổ sung gì thêm; các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Phước A; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trương Phước A làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp các tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của ông Trương Phước A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Quyết định của Bản án sơ thẩm xác định buộc Bà Hoàng Thị Phương D và ông Trương Phước A liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T, ông Trần Quý H số tiền 950.000.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn bà D không kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D cũng không có ý kiến gì về Bản án sơ thẩm nêu trên.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trương Phước A: Ông A cho rằng việc vay mượn là do một mình vợ ông là bà D đứng ra vay của bà T và ông H, ông A không biết và cũng không nghe bà D, bà T, ông H nói nên ông không đồng ý cùng bà D trả nợ cho bà T và ông H. Xét thấy, số tiền bà D vay là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà D và ông A1, mục đích bà D vay số tiền này là để trả nợ cho gia đình, sử dụng chăm sóc con cái và cá nhân. Ông A cho rằng lúc bà D vay tiền không biết nhưng sau đó mới biết, bà D không khéo chi tiêu dẫn đến nợ nần chứ không có ý kiến gì phản bác (bút lục 26). Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A trình bày vợ chồng đã ly hôn. Tuy nhiên, Quyết định công nhận thuận tình ly hôn là sau khi Tòa án nhân dân thị xã P xét xử sơ thẩm (ngày 15/8/2022). Ngoài ra, ông A1, bà D không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh đây là khoản nợ riêng của bà D.

Như vậy, cần buộc bà D và ông A phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T và ông H số tiền 950.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Phước A là không có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông A1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Akhông được chấp nhận nên phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Phước A.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng: Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quý H.

2. Buộc Bà Hoàng Thị Phương D và ông Trương Phước A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quý H số tiền là 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Bà Hoàng Thị Phương D và ông Trương Phước A phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 40.500.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

3.2. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Quý H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.250.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008090 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Phước A phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008276 ngày 25/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh